

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 28-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Lưu Thị Hồng Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 22-3-2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 13-5-2024 đối với các bị cáo:

1. **Dương Đại K** (tên thường gọi khác là **K1**), sinh ngày 26-3-1997 tại **huyện M, tỉnh Sóc Trăng**

Nơi cư trú: **Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Dương K2**, sinh năm 1972 (S) và bà **Son Thị Sa V**, sinh năm 1974 (S); chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 31-7-2023 đến ngày 9-8-2023 chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

2. **Thạch Sa N**, sinh ngày 02-8-1995 tại **huyện M, tỉnh Sóc Trăng**

Nơi cư trú: **Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Thạch H**, sinh năm 1968 (S) và bà **Thạch Thị P**, sinh năm 1967 (S); có vợ tên **Thạch Thị L**, sinh năm 1991, chưa có con; tiền án: Không;

tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 31-7-2023 đến ngày 9-8-2023 chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

3. **Danh Thanh Q** (tên thường gọi khác là **Đình V1**), sinh ngày 18-8-1997 tại **huyện M, tỉnh Sóc Trăng**

Nơi cư trú: **Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Danh Thanh H1**, sinh năm 1976 (S) và bà **Dương Thị S**, sinh năm 1976 (S); vợ tên **Sơn Thị P1**, sinh năm 1998 và 01 người con (sinh năm 2014); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 31-7-2023 đến ngày 9-8-2023 chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

4. **Danh L1**, sinh ngày 27-6-1995 tại **huyện M, tỉnh Sóc Trăng**

Nơi thường trú: **Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**; nơi ở hiện tại: **Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Danh C** (C) và bà **Thạch Thị P2** (C); chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 22-01-2024 đến nay. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Trà Kim V2**, sinh năm 2005; Nơi cư trú: **Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**. (Có mặt)

+ Ông **Lâm Thanh B**, sinh năm 2000; Nơi cư trú: **Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**. (Vắng mặt)

+ Ông **Lý T**, sinh năm 1998; Nơi cư trú: **Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**. (Vắng mặt)

+ Ông **Trần Thanh B1**, sinh năm 2003; Nơi cư trú: **Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**. (Vắng mặt)

+ Ông **Dương Thanh K3**, sinh năm 2000; Nơi cư trú: **Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 7 năm 2023, **Thạch Sa N** đi cùng với **Danh Thanh Q** (tên gọi khác là **Đình V1**) và **Dương Đại K** đến nhà của **Danh L1** (tại **ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**) xin ngủ nhờ. Do **N** là bà con với **L1** nên **L1** đồng ý. Khi vào nhà thì **Q, K, N** đi xuống nhà sau và thấy có 01 cái bàn xếp nhỏ nên lấy bàn này ra và lấy dụng cụ sử dụng ma túy ra, lấy ma túy ra bỏ vào cái nỏ cùng

nhau sử dụng. Danh L1 ra thì N rủ L1 sử dụng và L1 đồng ý sử dụng cùng với N, Q và K. Kể từ ngày này thì N, K và Q ở nhà của L1 thường xuyên sử dụng ma túy và L1 cũng tham gia sử dụng ma túy chung. Sau đó N, Q và K cùng bàn bạc hùn tiền với nhau mua ma túy về sử dụng và chia nhỏ để bán cho các đối tượng nghiện tại địa phương, lấy tiền lời mua ma túy sử dụng tiếp và sinh hoạt hàng ngày. Qua đó, N, Q và K bắt đầu mua ma túy về chia nhỏ và bán lại cho rất nhiều người đến mua tại nhà của Danh L1 (nhưng không biết rõ họ tên, lai lịch), trong đó đã từng bán cho Lý T 01 lần với số tiền 200.000 đồng, bán cho Trần Thanh B1 01 lần số tiền 200.000 đồng. Đồng thời N, K và Q còn tổ chức cho nhau và cho người khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của Danh L1, cụ thể: N, Q và K tổ chức cho Trà Kim V2 sử dụng ma túy chung với N, Q và K khoảng 08 lần; Lâm Thanh B sử dụng ma túy chung với N, Q và K khoảng 02 lần, sau khi các đối tượng này sử dụng ma túy xong thì có trả tiền cho N, Q và K từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Danh L1 không bàn bạc, hùn hạp và không tham gia cùng các bị cáo N, Q, K bán ma túy và tổ chức việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, do muốn được sử dụng ma túy nên L1 đã để cho các bị cáo N, Q, K sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của mình. Cụ thể, vào khoảng 14 giờ ngày 31-7-2023 tại nhà của Danh L1 thì Q, K và N cùng thống nhất hùn tiền mua ma túy về sử dụng và chia nhỏ ma túy ra bán lại. Quan hùn 500.000 đồng, K hùn 500.000 đồng và N hùn 400.000 đồng, nhưng do số tiền này không đủ để mua “25 số” ma túy (có giá 1.900.000 đồng) nên N lấy cái điện thoại hiệu OPPO của mình đưa cho K đi cầm để đủ tiền mua “25 số” ma túy; N hỏi mượn xe mô tô biển số 83P4-176.24 của L1 để K và Q đi mua ma túy (lúc này L1 không biết là đi mua ma túy); Q điều khiển xe chở K đi thành phố S để cầm điện thoại của N được số tiền 700.000 đồng và chở K chạy vô một con hẻm (do K chỉ đường), khi đến một ngôi nhà (không rõ địa chỉ cụ thể) thì K vào mua ma túy của một người không rõ tên “25 số” với số tiền là 1.900.000 đồng. Sau khi mua được ma túy thì Q chở K về nhà của L1. Lúc này có Lý T vào hỏi Q mua ma túy 200.000 đồng, Q hỏi N đồng ý bán thì Q lấy bịch ma túy mới mua được dùng kéo cắt ra và phân ma túy ra 01 bịch nylon hàn lại rồi bán cho T với số tiền 200.000 đồng. Sau đó Q, N và K lấy bịch ma túy vừa mua được bỏ một ít vào trong cái nỏ để sử dụng, khi này N có rủ L1 ra cùng sử dụng ma túy thì L1 ra và hít một hơi ma túy cùng với K, Q, N. Lúc này có Lâm Thanh B và Trà Kim V2 đến nhà L1 để sử dụng ma túy nhưng B và V2 chưa sử dụng ma túy. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc Q, N, K và B, V2 đang ngồi nói chuyện thì có Trần Thanh B1 và Dương Thanh K3 đến để mua ma túy (K3 đứng ở cửa trước đợi, còn B1 đi vào nhà hỏi Q mua ma túy số tiền là 200.000 đồng). Q lấy bịch ma túy mới mua về chiết qua bịch nylon nhỏ để bán cho B1; trong lúc đang chiết ma túy chưa xong thì lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang các bị can có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và thu giữ các tang vật gồm 01 bịch nylon trong suốt một đầu hàn kín, một đầu hở, có kích thước (3,0

x 0,7) cm bên trong có chứa nhiều tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu MT-QT-QUAN), 01 cái bình dùng sử dụng ma túy đá và một số tang vật có liên quan.

Khi phát hiện Công an vào thì Q cầm 01 bịch ma túy chạy ra ngoài qua cửa sau nhưng bị lực lượng Công an truy đuổi bắt được và truy tìm được bịch ma túy mà Q cầm bỏ chạy là 01 bịch nylon trong suốt một đầu hàn kín, một đầu bị cắt hở, có kích thước (3,0 x 3,0) cm bên trong có chứa nhiều tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu MT-TT-QUAN).

Riêng Danh L1 bỏ chạy trốn thoát qua cửa sau, không bắt được tại chỗ, đến 08 giờ ngày 02-8-2023, Danh L1 đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định số: 126/KLGĐMT-KTHS, ngày 08-8-2023 Phòng K4 Công an tỉnh S kết luận tinh thể màu trắng bên trong 02 bịch nylon là chất ma túy (loại Methamphetamine) có khối lượng 0,0219gam (Gói ký hiệu MT-QT-QUAN) và 1,6826gam (Gói ký hiệu MT-TT-QUAN).

Quá trình điều tra đã thu giữ các vật chứng sau:

- 01 bịch nylon trong suốt một đầu hàn kín, một đầu hở, có kích thước 3,0 x 0,7 cm bên trong có chứa nhiều tinh thể màu trắng (Qua giám định thì đã giám định hết nên Phòng K4 Công an tỉnh S không có hoàn trả mẫu giám định cho cơ quan điều tra);
- 01 gói niêm phong sau giám định của Phòng K4 Công an tỉnh S khối lượng 1,6362 gam bên trong có chứa chất ma túy Metthamphetamine ;
- Tiền Việt Nam: 277.000 đồng + 200.000 đồng;
- 01 chiếc xe mô tô biển số 83P4-176.24, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, số máy 1010KY173366, Số khung G3D4F940847, xe đã qua sử dụng;
- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm một cái bình bằng nhựa, có gắn cái nỏ bằng thủy tinh và một ống hút bằng nhựa, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu đen, bàn phím, còn hoạt động, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu MASS+EL, màu đen-đỏ, bàn phím đã qua sử dụng, còn hoạt động.

Quá trình điều tra, các bị cáo Dương Đại K, Thạch Sa N, Danh Thanh Q, Danh L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSMX ngày 20-3-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã truy tố đối với bị cáo Dương Đại K, Thạch Sa N, Danh

Thanh Q về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo **Danh L1** về “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát **huyện M** luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Dương Đại K** 07 năm – 08 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; 07 năm 06 tháng – 08 năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 14 năm 06 tháng – 16 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Thạch Sa N** 07 năm 06 tháng – 8 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; 07 năm 06 tháng – 08 năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 15 năm – 16 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Danh Thanh Q** 07 năm – 08 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; 07 năm 06 tháng – 08 năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 14 năm 06 tháng – 16 năm tù.

- Áp dụng điểm b, điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Danh L1** 07 năm 06 tháng – 08 năm tù về “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 1,6362 gam ma túy loại Methamphetamine sau giám định và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo **N** do bán ma túy mà có; trả lại cho bị cáo **L1** chiếc xe mô tô biển số 83P4-176.24, trả lại cho bị cáo **N** số tiền 77.000 đồng, trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **B1** số tiền

200.000 đồng + 01 điện thoại di động **N1**; trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **B** 01 điện thoại di động MASS+EL.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Dương Đại K**, **Thạch Sa N**, **Danh Thanh Q**, **Danh L1** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thống nhất với cáo trạng và luận tội đại diện Viện kiểm sát **huyện M**, không tranh luận, tranh tụng; lời nói sau cùng các bị cáo trình bày đã ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện M**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện M**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Lâm Thanh B**, **Lý T**, **Trần Thanh B1**, **Dương Thanh K3** vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai ở cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[3] Các bị cáo **Dương Đại K**, **Thạch Sa N**, **Danh Thanh Q**, **Danh L1** là công dân Việt Nam, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, vào thời điểm thực hiện hành vi bị khởi tố không mắc bệnh tâm thần hay một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình nên có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

[4] Do muốn có tiền và ma túy sử dụng nên các bị cáo **Danh Thanh Q**, **Dương Đại K**, **Thạch Sa N** khi đang ở nhờ tại nhà của **Danh L1** thuộc **ấp C**, **xã T**, **huyện M**, **tỉnh Sóc Trăng** đã bàn bạc thống nhất với nhau là hùn tiền mua ma túy về để tổ chức sử dụng và bán lấy tiền tiêu xài. Cụ thể, bị cáo **Danh Thanh Q**, **Dương Đại K**, **Thạch Sa N** đã từng bán trái phép chất ma túy cho nhiều người (không biết rõ họ tên, lai lịch), trong đó đã từng bán cho **Lý T** (200.000 đồng), **Trần Thanh B1** (200.000 đồng); đồng thời, tổ chức cho nhau và cho những người khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của **Danh L1** (Trà Kim V2 khoảng 08 lần, **Lâm Thanh B** khoảng 02 lần); đến ngày 31-7-2023, sau khi bị cáo **Q**, **K**, **N** hùn tiền mua số ma túy giá 1.900.000 đồng về thì bán cho **Lý T** 01 gói ma túy

giá 200.000 đồng, sau đó cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Lúc này có **Trần Thanh B1** đến mua ma túy nên các bị cáo **K, Q, N** đang chia nhỏ ma túy để bán cho **B1** thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Tại Kết luận giám định số: 126/KLGĐMT-KTHS ngày 08-8-2023 của **Phòng K4 Công an tỉnh S** kết luận mẫu tinh thể rắn màu trắng trong 02 bịch nylon gửi giám định là ma túy (loại Methamphetamine) có tổng khối lượng là 1,7045 gam. Xét hành vi trên của bị cáo **Danh Thanh Q, Dương Đại K, Thạch Sa N** đã đủ yếu tố cấu thành “Tội mua bán trái phép chất ma túy” thuộc tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với định khung “phạm tội 02 lần trở lên”, “đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã truy tố bị cáo **Danh Thanh Q, Dương Đại K, Thạch Sa N** là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Bị cáo **Danh L1** không tham gia bàn bạc, hùn tiền để mua bán ma túy nhưng do muốn được sử dụng ma túy nên đồng ý cho các bị cáo **Danh Thanh Q, Dương Đại K, Thạch Sa N** nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của mình như đã phân tích ở đoạn [4]. Hành vi của bị cáo **Danh L1** đã đủ yếu tố cấu thành “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” với định khung “phạm tội 02 lần trở lên”, “đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã truy tố bị cáo **Danh L1** là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Các bị cáo **Dương Đại K, Thạch Sa N, Danh Thanh Q, Danh L1** có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[7] Các bị cáo **Dương Đại K, Thạch Sa N, Danh Thanh Q, Danh L1** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo **Dương Đại K, Thạch Sa N, Danh Thanh Q, Danh L1** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và là người dân tộc Khmer; riêng đối với bị cáo **Danh L1** đầu thú. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Tố tụng hình sự, thấy rằng các bị cáo **Dương Đại K, Thạch Sa N, Danh Thanh Q** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên truy tố về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định chung. Đồng thời, qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo **Dương Đại K, Thạch Sa N, Danh Thanh Q** có yếu tố đồng phạm theo quy định khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự là “hai người trở lên

cố ý cùng thực hiện một tội phạm”, yếu tố đồng phạm mang tính chất giản đơn, do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình.

[10] Thấy rằng, hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý Nhà nước về các chất ma túy, mà còn là tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, bị pháp luật nghiêm cấm. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình. Đồng thời, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo cho chính các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của từng bị cáo đã phân tích ở đoạn [4], [5], [6], [7], [8], [9], Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo **Dương Đại K**, **Thạch Sa N**, **Danh Thanh Q** 07 năm 06 tháng tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và 08 năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo **Danh L1** 08 năm tù về “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[11] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân, hoàn cảnh kinh tế của từng bị cáo, thấy rằng mức hình phạt chính đã đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[12] Về vật chứng: 01 gói ma túy Metthamphetamine khối lượng 1,6362 gam (sau giám định) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm một cái bình bằng nhựa gắn cái nỏ bằng thủy tinh và một ống hút bằng nhựa) cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo **N** thì bị cáo trình bày đây là tiền do bán ma túy cho **Lý T** mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đối với chiếc xe mô tô biển số 83P4-176.24 của bị cáo **Danh L1** đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký, việc các bị cáo **K**, **Q**, **N** lấy sử dụng đi mua ma túy thì **L1** không biết, nên cần giao trả lại cho **L1**; đối với số tiền 77.000 đồng thu giữ của **N** thì bị cáo trình bày đây là tài sản riêng của bị cáo, số tiền 200.000 đồng + 01 điện thoại di động Nokia thu giữ của **B1** đây là tài sản riêng của **B1**, 01 điện thoại di động MASS+EL thu giữ của **B** là tài sản riêng của **B**, xét thấy các tài sản này không dùng làm phương tiện phạm tội nên cần giao trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[13] Đối với **Trà Kim V2** và **Lâm Thanh B** có tham gia sử dụng ma túy cùng với các bị cáo nhưng không mang tính chất đồng phạm mà với vai trò là người thụ hưởng; đối với **Lý T** sau khi mua ma túy của các bị cáo **Thạch Sa N**,

Dương Đại K và Danh Thanh Q về đã sử dụng một mình hết số ma túy trên và Trần Thanh B1, Dương Thanh K3 đến mua ma túy của các bị cáo nhưng chưa đưa tiền và cũng chưa lấy ma túy thì bị Công an bắt quả tang. Nên quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M không đặt ra xem xét xử lý về hình sự đối với Trà Kim V2, Lâm Thanh B, Lý T, Trần Thanh B1, Dương Thanh K3 là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã làm test nhanh chất ma túy đối với Trà Kim V2, Lâm Thanh B, Lý T cho kết quả dương tính với ma túy đá nên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với 03 đối tượng này.

[14] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Danh Thanh Q và Dương Đại K ở thành phố S chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên chưa xử lý, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bị cáo Dương Đại K phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Dương Đại K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Và tuyên bị cáo Dương Đại K phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Dương Đại K 08 (tám) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của hai tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31-7-2023.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bị cáo Thạch Sa N phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Thạch Sa N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Và tuyên bị cáo Thạch Sa N phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Thạch Sa N 08 (tám) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của hai tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31-7-2023.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bị cáo **Danh Thanh Q** phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.
Xử phạt bị cáo **Danh Thanh Q** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Và tuyên bị cáo **Danh Thanh Q** phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo **Danh Thanh Q** 08 (tám) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của hai tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 31-7-2023.

4. Áp dụng điểm b, điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bị cáo **Danh L1** phạm “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo **Danh L1** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22-01-2024.

5. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 gói ma túy Metthamphetamine khối lượng 1,6362 gam (sau giám định) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm một cái bình bằng nhựa gắn cái nỏ bằng thủy tinh và một ống hút bằng nhựa);

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng thu giữ của **Thạch Sa N**;

- Trả lại **Danh Ly** 01 chiếc xe mô tô biển số 83P4-176.24 do **Danh Ly** đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký; trả lại **Thạch Sa N** số tiền 77.000 đồng; trả lại **Trần Thanh B1** số tiền 200.000 đồng + 01 điện thoại di động **N1**; trả lại **Lâm Thanh Bình** 01 điện thoại di động MASS+EL

Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện M** với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên ngày 19-4-2024.

6. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo **Dương Đại K**, **Thạch Sa N**, **Danh Thanh Q**, **Danh L1** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Xuyên;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, THAHS, VP.

Trần Thị Kim Nhân